

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS - ST
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hiền và ông Đỗ Cao Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Trang Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-TCDS ngày 29 tháng 3 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S, địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Somyot N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chính L, địa chỉ: Số A H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Bà Mai Thị D, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Q trình bày:

Vào ngày 06/7/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố số GNM230701003NA21X, Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) đã giải ngân cho bà Mai Thị D số tiền cầm cố cụ thể: 20.900.000 đồng. Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số GNM230701003NA21X với tài

sản cầm cố là chiếc xe máy: HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728, thuộc quyền sở hữu của bà Mai Thị D.

Ngoài ra, phía bị đơn bà Mai Thị D đã có Giấy ủy quyền ngày 06/7/2023 cho Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay) với nội dung, bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền “quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển kiểm soát 73G1-337.65”. Trong ngày 06/7/2023, bà Mai Thị D đã có Giấy mượn xe gửi Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) xin mượn lại chiếc xe mang biển kiểm soát 73G1-337.65 đã được cầm cố trên trong thời hạn một tháng từ ngày 06/7/2023 đến hết ngày 06/8/2023. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe trong thời gian mượn xe là 627.000 đồng/tháng. Nếu quá thời hạn trên mà bà Mai Thị D không trả xe thì bà D sẽ vẫn chịu chi phí bảo dưỡng và hao mòn xe theo thỏa thuận tại Giấy mượn xe và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn.

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số GNM230701003NA21X ngày 06/7/2023, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 06/7/2023 đến hết ngày 06/7/2024, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 06/10/2023 cho đến nay ngày 24/6/2024 đã quá hạn hợp đồng trễ 262 ngày, bà D vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết cho dù bên nhận cầm cố là Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay) đã liên hệ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù đã quá thời hạn cầm cố từ lâu. Hơn nữa chiếc xe này đã cầm cố, phía bà D đã mượn lại của công ty trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 06/7/2023 đến hết ngày 06/8/2023), quá hạn đã 05 tháng nhưng bà D vẫn chưa mang trả lại tài sản cầm cố trên cho Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay). Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số GNM230701003NA21X ngày 06/7/2023 cũng như các tài liệu liên quan khác, Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện bà Mai Thị D ra Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh để buộc bà Mai Thị D phải thực hiện những nghĩa vụ sau: Yêu cầu bị đơn bà Mai Thị D phải giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay), để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật; trường hợp bà Mai Thị D không thể trả lại xe cầm cố, bà D có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền tính đến ngày xét xử 24/6/2024 là 19.810.000 đồng, bao gồm: Gốc: 18.026.000 đồng, lãi: 1.784.000 đồng (1.1%/ tháng). Vào ngày 03/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Bùi Thị Kim Q đã nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Bị đơn giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền Công ty Cổ phần S Có Ngay xin được rút yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc bà Mai Thị D phải trả phí hao mòn: 4.305.000 đồng (627.000 đồng/ tháng) để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật. Còn đối với yêu

cầu bị đơn bà Mai Thị D có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua Hợp đồng cầm cố tài sản tổng số tiền tính đến ngày 24/6/2024 là 19.810.000 đồng, bao gồm: Gốc: 18.026.000 đồng, lãi: 1.784.000 đồng (1.1%/ tháng) thì phía đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S có ngay vẫn giữ nguyên yêu cầu. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 vắng mặt không có lý do. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng các Điều 309, Điều 311, Điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay.

Buộc bà Mai Thị D phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/6/2024 là 19.810.000 đồng, bao gồm: Gốc: 18.026.000 đồng, lãi: 1.784.000 đồng (1.1%/ tháng). Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực.

Đình chỉ giải quyết về yêu cầu bị đơn bà Mai Thị D phải trả phí hao mòn: 4.305.000 đồng (627.000 đồng/ tháng) và giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay), để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật; trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Mai Thị D có địa chỉ tại: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thị D phải giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay), để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật; trường hợp bà Mai Thị D không thể trả lại xe cầm cố, bà D có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 20.900.000 đồng. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa tổ chức và cá nhân, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và niêm yết công khai nhưng bà D, ông N1 vẫn có tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, qua tra hệ thống Dữ liệu dân sự và hồ sơ lưu trữ, Công an xã H xác minh kết quả như sau: Mai Thị D, sinh ngày: 01/01/1992, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, số định danh cá nhân: 044192011579. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 06/8/1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, số định danh cá nhân: 044087003683. Hiện nay, bà Mai Thị D không có mặt tại địa phương, không đăng ký tạm trú ở địa phương khác; ông Nguyễn Văn N1 có mặt tại địa phương.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST-DS ngày 21/5/2024 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 cư trú. Ngày 06/6/2024, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa

lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24/6/2024 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại thôn C và trụ sở UBND xã H - nơi bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Mai Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ Công văn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố: Ngày 06/7/2023, bà Mai Thị D thông qua hợp đồng cầm cố số GNM230701003NA21X cầm cố 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 với số tiền 20.900.000 đồng, lãi suất cố định là 1,1%/tháng tại Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay), địa chỉ: Số C đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mã số chi nhánh: 2901807716-040 đăng ký lần đầu ngày 11/4/20149, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D không trả tiền gốc cho Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay) khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015. Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị D có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã nhận tại Hợp đồng cầm cố tính đến ngày 24/6/2024 là 18.026.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Công ty Cổ phần S Có Ngay (Công ty TNHH S1) có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 18.026.000 đồng từ ngày 06/10/2023 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Lãi suất tiền vay cầm cố mà các bên cùng thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, phụ lục Hợp đồng và Giấy mượn xe là không trái với các quy định pháp luật, nên yêu cầu này của Công ty Cổ phần S có ngay là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận. Trong đó tiền nợ lãi 11.784.000 đồng.

[2.3]. Đối với yêu cầu phải trả phí hao mòn 4.305.000 đồng (627.000 đồng/tháng) và yêu cầu giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1, Chi nhánh Q1 01 (nay là Công ty

Cổ phần S Có Ngay). Vào ngày 03/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Bùi Thị Kim Q đã nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Bị đơn giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S có ngay rút yêu cầu buộc bà Mai Thị D phải trả phí hao mòn 4.305.000 đồng (627.000 đồng/ tháng). Xét việc rút yêu cầu giải quyết phải trả phí hao mòn số tiền 4.305.000 đồng (627.000 đồng/ tháng) và giao trả xe mang biển kiểm soát 73G1-337.65 của đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S có ngay là tự nguyện, cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Công ty Cổ phần S có ngay là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các mục [2.1], [2.2], [2.3], Hội đồng xét xử buộc bà Mai Thị D có nghĩa vụ trả Công ty Cổ phần S có ngay số tiền gốc 18.026.000 đồng, số tiền lãi 1.784.000 đồng. Tổng cộng là 19.810.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

[2.4] Xét, đối với việc Công ty Cổ phần S Có Ngay (trước đây Công ty TNHH S1) nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bà Mai Thị D, các bên không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, nên giao dịch chưa phát sinh hiệu lực. Vì vậy, việc Công ty Cổ phần S Có Ngay (trước đây Công ty TNHH S1) nhận cầm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bà Mai Thị D là không phù hợp theo quy định pháp luật. Do đó, ngay sau khi bà Mai Thị D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần S Có Ngay (trước đây Công ty TNHH S1) có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bà Mai Thị D.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền là: 19.810.000 đồng x 5% = 990.500 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Công ty Cổ phần S có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 597.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23 số 0003805 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 309, 310, 311, 314, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Mai Thị D. Buộc bà Mai Thị D phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ tính đến ngày 24/6/2024 là: 19.810.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười nghìn đồng), trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc: 18.026.000 đồng. Tiền nợ lãi: 1.784.000 đồng.

Bà Mai Thị D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/6/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay (trước đây Công ty TNHH S1) theo mức lãi suất, phí mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cô và phụ lục hợp đồng cầm cô ngày 06/7/2023.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu bị đơn bà Mai Thị D phải trả phí bảo dưỡng, phí hao mòn số tiền 4.305.000 đồng và yêu cầu giao trả lại chiếc xe HONDA - LEAD mang biển kiểm soát 73G1-337.65, số khung: RLHJF7932MZ037898, số máy: JF89E0362728 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay), để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cô và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay.

3. Ngay sau khi bà Mai Thị D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần S Có Ngay (trước đây Công ty TNHH S1) có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bà Mai Thị D của xe máy mang biển kiểm soát 73G1-337.65.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Mai Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đề sung quỹ Nhà nước là 990.500 đồng (Chín trăm, chín mươi nghìn, năm trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 597.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23 số 0003805 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2024). Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Mạnh Cường